

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G-TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29/12/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuấn, ông Nguyễn Tùng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường, Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Nguyễn Thị Duyên, Kiểm sát viên.

Ngày 29/12/2020, tại trụ sở Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/12/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang Q, sinh năm 1977 (đã được tòa án tuyên bố là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi);

- Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1946 là mẹ đẻ anh Q.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã VN, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Anh Q, bà M đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Quang Q ngày 20/3/2002. Trước khi kết hôn anh chị được tìm hiểu nhau tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND xã VN, huyện G và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng ở thôn C, xã VN. Trước khi kết hôn anh Q là người hoàn toàn bình thường. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2005 thì anh Q thay đổi tính nết do bị tai nạn. Khi anh Q bị tai nạn (năm 2004) chị và gia đình đã đưa anh Q đi khám và kiểm tra tại bệnh viện nhưng không phát hiện bị thương hay ảnh hưởng gì đến não. Sau đó anh Q đã phát bệnh và thay đổi tính nết từ một người hiền lành, thương vợ con trở thành một người bất thường và

không có khả năng lao động như trước. Anh Q biểu hiện bất thường như: nói những câu không có nghĩa, hay chửi mắng vợ con, dùng tay bóp cổ vợ, gắp người thân là bề trên không biết chào hỏi, tự cầm dao chặt đứt ngón tay của mình.... Chị Nhều lần đưa anh Q đi chạy chữa ở một vài bệnh viện trong đó có bệnh viện tâm thần ở Bắc Ninh và Bắc Giang nhưng vẫn không khỏi bệnh. Anh Q bệnh tật nên không giúp đỡ gì được cho vợ con mà thường xuyên đe dọa đến tính mạng của chị nên chị phải sống ly thân với anh Q từ năm 2007 đến nay. Khi ly thân chị về nhà ngoại ở cùng thôn C sinh sống. Anh Q sống với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị M. Mọi sinh hoạt hàng ngày của anh Q đều phụ thuộc vào mẹ. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh Q.

Con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Ph và Nguyễn Thị Nh, cùng sinh ngày 17/01/2003. Hiện các cháu khỏe mạnh và ở với chị từ khi anh chị sống ly thân. Ly hôn chị xin nuôi cả 02 con vì anh Q không có khả năng chăm sóc bản thân thì không thể chăm các con. Chị làm công nhân ở công ty UIL tại Quế Võ, Bắc Ninh, thu nhập từ 05 đến 06 triệu đồng/ tháng nên có thể nuôi các cháu. Chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q có quyền đi lại thăm con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị tòa án giải quyết

Bị đơn là anh Nguyễn Quang Q không có lời trình bày. Tòa án nhân dân huyện G đã có quyết định số 02/2020/QĐST – VDS ngày 02/3/2020 tuyên bố anh Q là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi.

Người đại diện theo pháp luật của anh Q là bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án bà đã trình bày: Năm 2002, chị T và anh Q có được đăng ký kết hôn tại UBND xã VN và sau đó được hai gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Năm 2004 anh Q bị tai nạn đến năm 2005 thì phát bệnh nên hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của bản thân. Chị T đã cùng gia đình nhà chồng chữa bệnh cho anh Q từ năm 2005. Hiện anh Q có đỡ bệnh hơn nhưng vẫn hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Do không làm chủ được nên anh Q có đôi khi đánh chị T. Chị T và 02 con phải về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống từ năm 2007 đến nay. Chị T xin ly hôn bà không đồng ý. Bà và gia đình bà không bỏ con dâu. Bà mong muốn chị T về đoàn tụ để chăm lo cho anh Q vì bà hiện đã già yếu.

Bà xác định chị T và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Thị Ph và Nguyễn Thị Nh, cùng sinh ngày 17/01/2003. Hiện các cháu khỏe mạnh và ở với chị T từ khi anh chị sống ly thân. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Q, bà đề nghị chị T nuôi cả 02 con, anh Q không cấp dưỡng nuôi con vì không có khả năng.

Tài sản chung, nợ chung của chị T, anh Q không có nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 9, 19, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quang Q.
- Con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Ph và Nguyễn Thị Nh, cùng sinh ngày 17/01/2003 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung.
- Cấp dưỡng nuôi con, Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quang Q có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã VN, huyện G, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án huyện G thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Nguyễn Quang Q và bà Nguyễn Thị M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quang Q kết hôn ngày 20/3/2002, được UBND xã VN cho đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Vì anh Q bị tai nạn nên hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi dẫn đến những hành động đe dọa tính mạng của chị và các con. Anh Q cũng không lao động được để giúp đỡ vợ con. Khi anh Q bị bệnh, chị đã cùng gia đình nhà chồng chạy chữa ở nhiều bệnh viện tâm thần nhưng không khỏi. Tòa án đã tuyên bố anh Q là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi. Chị đã sống ly thân với anh Q từ năm 2007 đến nay. Trong thời gian ly thân chị vẫn tiếp tục cùng gia đình chồng chữa bệnh cho anh Q. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh Q. Bà M là người đại diện theo pháp luật của anh Q không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T mà đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho chị T và anh Q đoàn tụ. Bà

xác định anh Q bị bệnh nên không thể làm chủ bản thân có đôi khi đánh vợ, con nên chị T đã sống ly thân với anh Q từ năm 2007 đến nay. Chị T cũng cùng gia đình nhà chồng nhiều lần đưa anh Q đi chữa bệnh. Anh Q không có khả năng tự chăm lo cho bản thân mà hiện phụ thuộc vào bà.

Qua xác minh tại địa phương và lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T1 là mẹ đẻ chị T xác định anh Q bị bệnh dẫn đến có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi. Chị T đã đưa anh Q đi chữa bệnh nhiều lần ở nhiều bệnh viện nhưng không khỏi. Chị T và anh Q đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay.

Như vậy, xác định anh Q có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi nên không có khả năng lao động, không quan tâm, chăm sóc giúp đỡ vợ con mà có những hành động đe dọa tính mạng chị T và các con. Quá trình anh Q bị bệnh đến nay chị T đã cùng gia đình nhà chồng chữa bệnh cho anh Q nhiều lần ở nhiều nơi nhưng không khỏi. Như vậy chị T đã làm tròn nghĩa vụ của người vợ đối với chồng. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, anh Q bị bệnh nhiều năm và có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi không thể tự chăm lo cho bản thân, cho vợ và các con, không thể mang lại hạnh phúc cho chị T. Vợ chồng sống ly thân đã lâu nên mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn anh Q là phù hợp với pháp luật và đạo lý.

Con chung: Chị T, anh Q có 02 con chung là Nguyễn Thị Ph và Nguyễn Thị Nh, cùng sinh ngày 17/01/2003. Các cháu khỏe mạnh và ở với chị T từ khi anh chị sống ly thân đến nay. Anh Q có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi không có khả năng chăm sóc bản thân nên không thể chăm sóc con chung. Do vậy, cần giao 02 con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh Q phải đóng góp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 228, 235, 248, 249, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 19, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quang Q

Con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Ph và Nguyễn Thị Nh, cùng sinh ngày 17/01/2003 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001944 ngày 13/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người đại diện của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Minh Nguyệt

